

Số: **427/2026/QĐST-VHNGĐ**

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ VIỆC XÉT ĐƠN
YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 367/2026/TLST-VHNGĐ ngày 23/03/2026, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình:

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1985, số CCCD: 034085016474

Cư trú: Thôn T, xã Á, tỉnh Hưng Yên

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987, số CCCD: 001187000706

Cư trú: Số nhà G, ngõ F P, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Xét thấy: Ngày 23/03/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội, thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình cho vợ chồng anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Y. Sau khi nhận thông báo thụ lý và được Tòa án giải thích, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Y, nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn và vợ chồng đã tự hòa giải được mâu thuẫn với nhau. Vì vậy anh H, chị Y có đơn đề nghị được rút yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 48; Điểm c Khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 367/2026/TLST-VHNGĐ ngày 23/03/2026, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

Điều 2. Trả lại đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Y.

Về lệ phí: Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền: 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, chị Y đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H (*biên lai số 0006777 ngày 20/03/2026*).

Điều 3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

THẨM PHÁN

Lê Thị T